

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

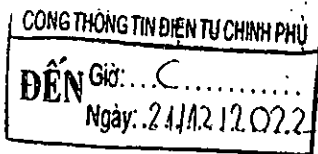
**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 86/2022/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 09 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định một số nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 2 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 125/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc quy định cụ thể một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Báo cáo tham tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2022. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XV;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Ban Thường vụ các Huyện ủy, Thành ủy;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, TP;
- Website Chính phủ, Công báo tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Ninh Bình;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.



CHỦ TỌA KỲ HỌP

PHÓ CHỦ TỊCH HĐND
Bùi Hoàng Hà



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Một số nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

(Kèm theo Nghị quyết số 86/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định một số nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn vốn hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Chương II QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG HỖ TRỢ, MỨC HỖ TRỢ

Điều 3. Chi hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

Mức chi hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm. Cụ thể:

1. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn, mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/ha.

b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí để san phẳng đồng ruộng, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/ha.

2. Điều kiện hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Đối với cá nhân: Quy mô khu tưới phải đạt từ 0,3 ha trở lên, riêng khu vực miền núi từ 0,1 ha trở lên; việc hỗ trợ cho cá nhân được thông qua tổ chức thủy lợi cơ sở.

b) Đối với tổ chức thủy lợi cơ sở: Quy mô khu tưới phải đạt từ 02 ha trở lên, riêng khu vực miền núi từ 01 ha trở lên và phải có hợp đồng liên kết với hộ gia đình hoặc cá nhân trực tiếp sản xuất.

c) Hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước phục vụ các loại cây trồng là cây chủ lực của quốc gia, địa phương, có lợi thế, phù hợp với nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu từng vùng, miền.

Điều 4. Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở

1. Chi hỗ trợ tối đa 100% chi phí mua sắm, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng đài truyền thanh huyện chưa có thiết bị kỹ thuật số để số hoá sản xuất nội dung truyền thông đa phương tiện, trong đó: Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng phòng máy và các thiết bị cơ bản phục vụ sản xuất nội dung truyền thông đa phương tiện của Đài truyền thanh huyện, không quá 300 triệu đồng/huyện; hỗ trợ mua sắm, sửa chữa, thay thế cụm thu và loa truyền thanh tại điểm trung tâm huyện và các điểm công cộng trên địa bàn huyện, không quá 30 triệu đồng/01 điểm.

2. Chi hỗ trợ tối đa 100% chi phí mua sắm, sửa chữa đài truyền thanh xã, trong đó: Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị phòng máy của Đài truyền thanh xã, không quá 80 triệu đồng/xã; hỗ trợ mua sắm cụm thu và loa truyền thanh tại các thôn, không quá 30 triệu đồng/01 thôn.

Điều 5. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô cấp thôn

Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô cấp thôn theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ theo quy định tại Phụ lục IV Đề án số 05/ĐA-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình xây dựng nông thôn mới tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2025 kèm theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc thông qua đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2025.

Điều 6. Chi hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp

1. Chi hỗ trợ chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá

chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và nông nghiệp hữu cơ. Hỗ trợ tối đa 100% chi phí thực hiện, cụ thể:

a) Đối với vùng trồng thực hiện cấp mã số lần đầu, mức hỗ trợ không quá 25 triệu đồng.

b) Đối với vùng trồng đã thực hiện cấp mã số (hỗ trợ thực hiện cấp mã số những lần tiếp theo), mức hỗ trợ không quá 15 triệu đồng.

2. Hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh. Mức hỗ trợ cụ thể theo Nghị quyết số 123/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về hỗ trợ đăng ký bảo hộ, phát triển tài sản trí tuệ, triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2025.

Điều 7. Chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp

1. Hỗ trợ tối đa không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án/kế hoạch liên kết được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tổng mức hỗ trợ kinh phí thực hiện một (01) dự án/kế hoạch tối đa không quá 2.000 triệu đồng (không kể hỗ trợ đầu tư hạ tầng).

2. Nội dung và mức hỗ trợ quy định tại khoản 1, Điều này cụ thể như sau:

a) Chi hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết; chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng dự án, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, đánh giá thị trường, phương án phát triển thị trường. Mức hỗ trợ tối đa 100% chi phí, nhưng không quá 100 triệu đồng/01 dự án/kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đào tạo, tập huấn kỹ thuật sản xuất; tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường. Mức hỗ trợ tối đa 100% chi phí thực hiện.

c) Hỗ trợ mua giống cây trồng, giống vật nuôi và thủy sản, vật tư, công cụ, dụng cụ trong sản xuất, chế biến. Nội dung, mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Phụ biểu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2022-2025.

d) Hỗ trợ bao bì, nhãn mác sản phẩm; quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ. Mức hỗ trợ tối đa 100% chi phí thực hiện, hỗ trợ không quá 3 vụ hoặc 3 chu kỳ sản xuất.

3. Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: Hỗ trợ tối đa 30% chi phí thực hiện Nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Mức hỗ trợ cụ thể: Đối với hợp tác xã tham gia liên kết tối đa không quá 1.000 triệu đồng/dự án; Đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác tham gia liên kết, mức hỗ trợ tối đa không quá 3.000 triệu đồng/dự án/kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Phương thức thực hiện: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án/kế hoạch thông qua đơn vị chủ trì liên kết.

Điều 8. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại

1. Hỗ trợ cơ giới hóa (máy móc, trang thiết bị, hệ thống thiết bị): Nội dung, mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Phụ biểu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình.

2. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp trong danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt tại Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14 tháng 3 năm 2017. Mức hỗ trợ tối đa 40% tổng kinh phí hỗ trợ cho 01 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

Điều 9. Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn

1. Phát huy vai trò nghề nhân, thợ giỏi

a) Tập huấn nâng cao tay nghề, nghiệp vụ sư phạm nghề cho các nghề nhân, thợ giỏi. Hỗ trợ 100% chi phí thực hiện.

b) Hỗ trợ các lớp truyền nghề, các khóa truyền nghề

- Hỗ trợ các lớp truyền nghề do cơ sở ngành nghề nông thôn trực tiếp tổ chức: Hỗ trợ 50% chi phí, nhưng không quá 25 triệu đồng/lớp.

- Hỗ trợ các khóa truyền nghề theo hình thức kèm cặp nghề, truyền nghề do nghề nhân cấp tỉnh tổ chức: 25 triệu đồng/khóa truyền nghề (trong đó: thù lao giảng viên cho nghề nhân 80.000 đồng/giờ, nhưng không quá 640.000 đồng/ngày).

- Hỗ trợ các khóa truyền nghề theo hình thức kèm cặp nghề, truyền nghề do thợ thủ công tổ chức: 15 triệu đồng/khóa truyền nghề (trong đó: thù lao giảng viên cho nghề nhân 50.000 đồng/giờ, nhưng không quá 400.000 đồng/ngày).

2. Bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề truyền thống

a) Tổ chức các hội thi sản phẩm làng nghề, hội thi tay nghề góp phần bảo tồn, khôi phục, quảng bá nghề và vinh danh các nghề nhân trong làng nghề. Mức hỗ trợ 100% chi phí tổ chức hội thi, chi phí ăn, nghỉ, đi lại.

b) Xúc tiến thương mại

- Chi hỗ trợ thuê tư vấn, hỗ trợ trực tiếp cho các cơ sở ngành nghề nông thôn các nội dung: Xây dựng trang thông tin điện tử giới thiệu sản phẩm, bán hàng trực tuyến; thiết kế mẫu mã sản phẩm, bao bì đóng gói; xây dựng thương hiệu. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí thực hiện, nhưng không quá 50 triệu đồng/cơ sở.

- Khuyến khích, tạo điều kiện hỗ trợ cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tại làng nghề, làng nghề truyền thống tham gia hội chợ, triển lãm xúc tiến thương mại. Mức hỗ trợ theo Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh Ninh Bình.

c) Hỗ trợ nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được cấp bằng công nhận danh hiệu “Nghề truyền thống”, “Làng nghề”, “Làng nghề truyền thống: Nội dung và mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Phụ biểu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình.

3. Phát triển làng nghề gắn với du lịch và xây dựng nông thôn mới: Xây dựng dự án khôi phục, bảo tồn, phát triển làng nghề; dự án phát triển làng nghề gắn với du lịch và xây dựng nông thôn mới. Mức hỗ trợ tối đa 50% kinh phí cho các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 300 triệu đồng/dự án.

4. Phát triển các làng nghề mới đảm bảo các giá trị văn hóa truyền thống, thân thiện với môi trường và phát triển bền vững: Hỗ trợ di dời cơ sở, hộ gia đình sản xuất ra khỏi làng nghề và chuyển đổi ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề theo quy định. Xử lý ô nhiễm môi trường tại các khu vực đã bị ô nhiễm sau khi di dời hoặc chấm dứt hoạt động. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 30 triệu đồng/cơ sở.

Điều 10. Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền

Nội dung, điều kiện, cơ chế hỗ trợ, mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo hiện theo quy định tại mục III Phụ biểu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Điều 11. Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở

1. Chi mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của địa phương. Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tối đa:

a) Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh: 1.000 triệu đồng/thiết chế.

- b) Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện: 500 triệu đồng/thiết chế.
- c) Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã: 80 triệu đồng/thiết chế.
- d) Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn: 50 triệu đồng/thiết chế.

2. Chi hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Thư viện cấp huyện; tủ sách cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn. Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tối đa:

- a) Thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện: 100 triệu đồng/01 tủ sách.
- b) Thư viện, tủ sách xã: 50 triệu đồng/01 tủ sách.
- c) Tủ sách thôn: 30 triệu đồng/tủ sách.

3. Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, thôn và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, thôn. Mức hỗ trợ tối đa:

- a) Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã: Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã là 50 triệu đồng/01 năm.
- b) Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn: Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp thôn là 30 triệu đồng/01 năm.

Điều 12. Chi triển khai Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”

1. Nội dung: Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp theo hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam tại Nghị quyết số 04-NQ/HNDTW ngày 05 tháng 8 năm 2019 Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (khóa VII) về đẩy mạnh xây dựng chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp; Đề án 03-ĐA/HNDTW, ngày 12 tháng 7 năm 2020 về "Nâng cao vai trò của Hội nông dân Việt Nam trong việc hỗ trợ nông dân khởi nghiệp sáng tạo, giai đoạn 2020 -2025".

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí thực hiện, tối đa không quá 50 triệu đồng/mô hình.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Khi các văn bản dẫn chiếu áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị, địa phương; các đơn vị, địa phương được giao quản lý, sử dụng kinh phí quyết định hỗ trợ theo các nội dung, mức hỗ trợ tại Quy định này và trong phạm vi kinh phí hỗ trợ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.